TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày: 05-6-2019
V/v "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tân

Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Võ Đại Minh-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hà Thanh-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2018/TLST-KDTM, ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-KDTM ngày 22/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ.

Địa chỉ: Số 268, ngõ 192, đường LTT, phường ĐC, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng V, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng H, có mặt.

Địa chỉ: P507-A12, phường TXB, quận TX, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 09/4/2019).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Llm.

Địa chỉ: Lô 4K, đường TĐT, phường LHP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng V, chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2018, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 23/11/2018, ngày 13/12/2018, bản tự khai ngày 31/01/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/02/2019, ngày 21/3/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, Công ty Cổ phần Sx và T mHĐ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng H trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2018, Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ (sau đây gọi tắt là Công ty HĐ) có ký các hợp đồng mua bán hàng hóa, theo đó Công ty HĐ

bán cho Công ty Cổ phần Llm (sau đây gọi tắt là Công ty Llm) thép tấm, thép hình các loại. Cụ thể các Hợp đồng như sau:

Công trình thủy điện Trung Thu: Hợp đồng số 38/2016/HĐKT/45.3-HĐ ngày 08/3/2016, ngày giao hàng cuối cùng 01/4/2016, bên mua tạm ứng 20% giá trị lô hàng, phần còn lại thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng, chậm trả lãi suất 1%/tháng, nhưng không quá 10 ngày tiếp theo, giá trị thực tế cung cấp 643.247.407 đồng, số tiền còn nợ 643.247.407 đồng, hóa đơn số 0002278 ngày 01/4/2016, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/4/2016 đến ngày 05/6/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 245.506.094 đồng; Hợp đồng số 28/2016/HĐKT/45.3-HĐ ngày 25/01/2016, ngày giao hàng cuối cùng 01/4/2016, bên mua tạm ứng 20% giá trị lô hàng, phần còn lại thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng hóa. Nếu quá hạn trên chịu lãi suất quá hạn 1%/tháng, nhưng không quá 10 ngày tiếp theo, giá trị thực tế cung cấp 404.948.764 đồng, đã thanh toán vào ngày 11/7/2017 là 58.922.149 đồng và vào ngày 07/9/2017 là 200.000.000 đồng, còn nợ 146.026.615 đồng, hóa đơn số 0002276 ngày 01/4/2016, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/4/2016 đến ngày 05/6/2019 là 98.524.788 đồng; Hóa đơn số 0002277 ngày 01/4/2016, ngày giao hàng 01/4/2016, giá trị thực tế cung cấp 127.691.718 đồng, còn nợ 127.691.718 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/4/2016 đến ngày 16/5/2019 (nguyên đơn yêu cầu tính lãi đến ngày 16/5/2019) là 47.884.394 đồng.

Công trình thủy điện Dam bol: Hợp đồng số 65/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 25/7/2017, ngày giao hàng cuối cùng 02/8/2017, thanh toán 100% gía trị hàng hóa ngay sau khi bên mua nhận đầy đủ hàng hóa và các chứng cứ kèm theo, giá trị thực tế cung cấp 196.209.750 đồng, còn nợ 196.209.750 đồng, hóa đơn số 0000048 ngày 02/8/2017, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 03/8/2017 đến ngày 05/6/2019 là 43.950.984 đồng.

Công trình chống ngập: Hợp đồng số 82/2017/HĐMB/LLM45.3-HĐ ngày 08/8/2017, ngày giao hàng cuối cùng 11/8/2017, thanh toán 100% giá trị hàng hóa trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên mua nhận đầy đủ hàng hóa và các chứng cứ kèm theo, chậm trả lãi suất 1%/tháng, giá trị thực tế cung cấp 1.407.267.365 đồng, đã thanh toán vào ngày 24/10/2017 là 1.007.267.365 đồng, còn nợ 400.000.000 đồng, hóa đơn số 0000057 ngày 11/8/2017, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/9/2017 đến ngày 05/6/2019 là 99.173.254 đồng; Hợp đồng số 107/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 27/10/2017, ngày giao hàng cuối cùng 01/11/2017, bên mua thanh toán 100% giá trị lô hàng trước khi nhận hàng, giá trị thực tế cung cấp 1.867.025.160 đồng, đã thanh toán vào ngày 16/11/2017 là 1.500.000.000 đồng, còn nợ 367.025.160 đồng, hóa đơn số 0000098 ngày 01/11/2017, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 02/12/2017 đến ngày 05/6/2019 là 67.410.288 đồng.

Công trình thủy điện Đăk Re: Hợp đồng số 100/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 29/9/2017, ngày giao hàng cuối cùng 13/01/2018, thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận từng đợt hàng lãi suất chậm trả 1,5%/tháng, giá trị thực tế cung cấp 11.519.831.401 đồng, đã thanh toán từ ngày 26/01/2018 đến ngày 12/4/2018 là 8.206.577.089 đồng, còn nợ 3.313.254.312 đồng, hóa đơn số 0000163 ngày 13/01/2018, hóa đơn số 0000164 ngày 15/01/2018, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 02/3/2018 đến ngày 05/6/2019 là 550.777.952 đồng; Hợp đồng

số 22/2018/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 02/02/2018, ngày giao hàng ngày 09/02/2018, ngày 17/4/2018 và 22/6/2018, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận từng đợt hàng, quá hạn lãi suất 1%/tháng, giá trị thực tế cung cấp 9.825.200.201 đồng, đã thanh toán từ ngày 18/6/2018 đến ngày 24/12/2018 là 8.300.000.000 đồng, còn nợ 1.525.200.201 đồng, hóa đơn số 0000189 ngày 09/02/2018, hóa đơn số 0000004 ngày 17/4/2018, hóa đơn số 0000070 ngày 25/6/2018, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 12/3/2018 đến ngày 05/6/2019 là 341.070.679 đồng.

Tổng cộng của các hợp đồng tính đến ngày 05/6/2019 còn nợ gốc 6.718.655.163 đồng và nợ tiền lãi là 1.494.298.433 đồng. Tổng cộng là 8.212.953.596 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty HĐ đều thực hiện đúng nội dung hợp đồng như: Giao hàng đầy đủ, đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, đúng thời hạn cho Công ty Llm. Tuy nhiên Công ty Llm đã không thực hiện đúng quy định về điều khoản thanh toán theo quy định của các Hợp đồng đã ký kết.

Công ty HĐ đã nhiều lần làm việc với Công ty Llm. Hai bên đã thống nhất xác định nợ gốc mà Công ty Llm còn nợ Công ty HĐ, thống nhất tính lãi suất quá hạn 1%/tháng kể từ ngày quá hạn cho tất cả các hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Công ty HĐ yêu cầu Công ty Llm trả dứt điểm các khoản nợ mà Công ty Llm còn thiếu.

Tính đến thời điểm ngày 05/6/2019, Công ty Llm còn nợ chưa thanh toán cho Công ty HĐ số tiền hàng hóa mà Công ty HĐ đã cung cấp cho Công ty Llm là 7.218.655.163 đồng nhưng trước đó ngày 24/12/2018 trả nợ 500.000.000 đồng, còn nợ gốc lại 6.718.655.163 đồng nên Công ty HĐ yêu cầu Công ty Llm thanh toán nợ gốc 6.718.655.163 đồng (theo đơn khởi kiện yêu cầu trả gốc 7.218.655.163 đồng nay thay đổi yêu cầu trả gốc 6.718.655.163 đồng vì đã trả được 500.000.000 đồng) và nợ lãi tính đến ngày 05/6/2019 là 1.494.298.433 đồng (có bảng kê tính lãi). Tổng cộng là 8.212.953.596 đồng.

Công ty HĐ đã nhiều lần đề nghị Công ty Llm thanh toán khoản nợ và lãi phát sinh theo cam kết nhưng Công ty Llm vẫn không chịu thanh toán dứt điểm.

Nay Công ty HĐ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Cổ phần Llm trả cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ số tiền còn thiếu nợ gốc là 6.718.655.163 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần Llm phải trả khoản lãi quá hạn 1%/tháng do chậm thanh toán phát sinh trên số nợ 6.718.655.163 đồng theo các hợp đồng mua bán đã ký kết trên, tính từ ngày Công ty Cổ phần Llm vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 05/6/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 1.494.298.433 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Công ty Cổ phần Llm phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ là 6.718.655.163 đồng + 1.494.298.433 đồng = 8.212.953.596 đồng.

Tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/02/2019, ngày 21/3/2019 bị đơn Công ty Cổ phần Llm, người đại diện theo ủy quyền ông Cù Thanh N trình bày: Công ty Cổ phần Llm thừa nhận có nợ và đồng ý trả nợ số tiền nợ gốc cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ là 6.718.655.163 đồng, về số tiền nợ lãi vì Công ty Cổ phần Llm chưa tính toán lại.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần Llm phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ nợ gốc 6.718.655.163 đồng và trả tiền lãi tính đến ngày 05/6/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) với mức lãi suất 1%/tháng là 1.494.298.433 đồng. Công ty Cổ phần Llm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ phần Llm, người đại diện theo pháp luật ông HV đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ buộc bị đơn Công ty Cổ phần Llm thanh toán cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ số tiền còn nợ là 8.212.953.596 đồng, trong đó nợ tiền gốc mua thép các loại 6.718.655.163 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 05/6/2019 là 1.494.298.433 đồng, thì thấy rằng: Tại Hợp đồng số 38/2016/HĐKT/45.3-HĐ ngày 08/3/2016, các biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho số 226/2016 ngày 11/3/2016, số 251/2016 ngày 26/3/2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 0002278 ngày 01/4/2016, bảng kê chi tiết số 07 ngày 01/4/2016; Hợp đồng số 28/2016/HĐKT/45.3-HĐ ngày 25/01/2016, các biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho số 225/2016 ngày 11/3/2016, số 1676/2015, số 1242/2015, số 250/2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 0002276 ngày 01/4/2016, bảng kê chi tiết số 06 ngày 01/4/2016; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002277 ngày 01/4/2016; Hợp đồng số 65/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 25/7/2017, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000048 ngày 02/8/2017, biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho số 222/2017 ngày 25/7/2017; Hợp đồng số 82/2017/HĐMB/LLM45.3-HĐ ngày 08/8/2017, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000057 ngày 11/8/2017, các biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho số 238/2017 ngày 09/8/2017, số 241/2017 ngày 10/8/2017; Hợp đồng số 107/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 27/10/2017, hóa đơn số 0000098 ngày 01/11/2017, các biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho số 580/2017 ngày 04/11/2017, số 427/2017 ngày 05/11/2017; Hợp đồng số 100/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 29/9/2017, hóa đơn số 0000163 ngày 13/01/2018, hóa đơn số 0000164 ngày 15/01/2018, các biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho số 680/2017, số 707/2017, số 708/2017, số 706/2017, số 709/2017, số 712/2017, số 22/2018, số 25/2018, số 24/2018, số 26/2018, số 27/2018, số 753/2017, số 756/2017, số 686/2017, số 684/2017, số 685/2017, số 754/2017, số 755/2017, số 758/2017; Hợp đồng số 22/2018/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 02/02/2018, hóa đơn số 0000189 ngày 09/02/2018, hóa đơn số 0000004 ngày 17/4/2018, hóa đơn số 0000070 ngày 25/6/2018, bảng kê chi tiết số 03 ngày 09/02/2018, các biên bản

giao nhận kiêm phiếu xuất kho số 60/2017, số 59/2018, số 252/2018, số 245/2018, số 249/2018, số 247/2018, số 248/2018, số 509/2018, số 510/2018, số 543/2018, biên bản làm việc ngày 11/6/2018, biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 30/9/2018, thư xác nhận số dư công nợ ngày 31/12/2018 có tại hồ sơ thì từ năm 2016 đến năm 2018 Công ty Cổ phần Llm mua của Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ thép các loại và đã thanh toán hiện còn nợ lại 6.718.655.163 đồng, theo hai bên thỏa thuận thì Công ty Cổ phần Llm phải thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết và thỏa thuận chậm trả thì phải trả lãi suất 1%/tháng.

Qúa trình thực hiện hợp đồng mua bán, Công ty Cổ phần Llm không thanh toán cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ số tiền nợ gốc mua thép các loại 6.718.655.163 đồng, vi phạm hợp đồng nên chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ buộc Công ty Cổ phần Llm phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc mua thép các loại cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ 6.718.655.163 đồng.

Về tiền lãi chậm thanh toán Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ yêu cầu tính mức lãi suất nợ quá hạn là 1%/tháng là có căn cứ nên chấp nhận, vì thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (hiện tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Dung Quất quy định mức lãi suất nợ quá hạn là 18,25%/năm, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Quảng Ngãi quy định mức lãi suất nợ quá hạn là 13,5%/năm, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh Quảng Ngãi quy định mức lãi suất nợ quá hạn 16,35%/năm, do đó mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 16,03%/năm tương ứng 1,33%/tháng). Do Công ty Cổ phần Llm chậm thanh toán tiền mua thép các loại nên phải trả tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký kết trên đến ngày 05/6/2019 (ngày xét xử sơ thẩm), mức lãi suất nợ quá hạn 1%/tháng, cụ thể:

Hợp đồng số 28/2016/HĐKT/45.3-HĐ ngày 25/01/2016 là: (404.948.764 đồng x 1%):30 ngày x 451 ngày (từ ngày 17/4/2016 đến ngày 11/7/2017) = 60.877.298 đồng, [346.026.615 đồng (ngày 11/7/2017 trả 58.922.149 đồng) x 1%]:30 ngày x 58 ngày (từ ngày 12/7/2017 đến ngày 07/9/2017) = 6.689.848 đồng, [146.026.615 đồng (ngày 07/9/2017 trả 200.000.000 đồng) x 1%]:30 ngày x 636 ngày (từ ngày 08/9/2017 đến ngày 05/6/2019) = 30.957.642 đồng, tổng cộng là 98.524.788 đồng.

Hóa đơn số 002277 ngày 01/4/2016 là: [(127.691.718 đồng x 1%):30 ngày x 1.125 ngày (từ ngày 17/4/2016 đến ngày 16/5/2019) (nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 16/5/2019)] = 47.884.394 đồng.

Hợp đồng số 38/2016/HĐKT/45.3-HĐ ngày 08/3/2016 là: (643.247.407 đồng x 1%):30 ngày x 1.145 ngày (từ ngày 17/4/2016 đến ngày 05/6/2019) = 245.506.094 đồng.

Hợp đồng số 65/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 25/7/2017 là: (196.209.750 đồng x 1%):30 ngày x 672 ngày (từ ngày 03/8/2017 đến ngày 05/6/2019) = 43.950.984 đồng.

Hợp đồng số 82/2017/HĐMB/LLM45.3-HĐ ngày 08/8/2017 là: (1.407.267.365 đồng x 1%):30 ngày x 44 ngày (từ ngày 11/9/2017 đến ngày 24/10/2017) = 20.639.921 đồng, [400.000.000 đồng (ngày 24/10/2017 trả

1.007.267.365 đồng) x 1%]:30 ngày x 589 ngày (từ ngày 25/10/2017 đến ngày 05/6/2019) = 78.533.333 đồng, tổng cộng là 99.173.254 đồng.

Hợp đồng số 107/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 27/10/2017 là: [367.025.160 đồng (ngày 16/11/2017 trả 1.500.000.000 đồng) x 1%):30 ngày x 551 ngày (từ ngày 02/12/2017 đến ngày 05/6/2019) = 67.410.288 đồng.

Hợp đồng số 100/2017/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 29/9/2017 là: (7.313.254.312 đồng x 1%):30 ngày x 42 ngày (từ ngày 02/3/2018 đến ngày 12/4/2018) = 102.385.560 đồng, [3.313.254.312 đồng (ngày 12/4/2018 trả 4.000.000.000 đồng) x 1%]:30 ngày x 419 ngày (từ ngày 13/4/2018 đến ngày 05/6/2019) = 462.751.186 đồng, tổng cộng là 565.136.746 đồng. Nhưng do Công ty Cổ phần Llm thanh toán đúng trong hạn của hợp đồng được 2.393.132.319 đồng nên nguyên đơn cho số tiền lãi là 14.358.794 đồng. Do đó tiền nợ lãi của hợp đồng này là 550.777.952 đồng.

Hợp đồng số 22/2018/HĐMB/HĐ-LM453 ngày 02/02/2018 là: (1.200.451.498 đồng x 1%):30 ngày x 99 ngày (từ ngày 12/3/2018 đến ngày 18/6/2018) = 39.614.899 đồng, [5.139.974.598 đồng x 1%]:30 ngày x 32 ngày (từ ngày 18/5/2018 đến ngày 18/6/2018) = 54.826.396 đồng, [2.540.426.096 đồng (ngày 18/6/2018 trả 2.599.548.502 đồng) x 1%]:30 ngày x 43 ngày (từ ngày 19/6/2018 đến ngày 31/7/2018) = 36.412.774 đồng và ngày 31/7/2018 trả hết 2.540.426.096 đồng(đối với hóa đơn số 0000189 ngày 09/02/2018 và hóa đơn số 0000004 ngày 17/4/2018). (3.484.774.105 đồng x 1%):30 ngày x 9 ngày (từ ngày 23/7/2018 đến ngày 31/7/2018) = 10.454.322 đồng, [3.025.200.201 đồng (ngày 31/7/2018 trả được 459.573.904 đồng) x 1%]:30 ngày x 55 ngày (từ ngày 01/8/2018 đến ngày 24/9/2018) = 55.462.004 đồng, [2.025.200.201 đồng (ngày 24/9/2018 trả 1.000.000.000 đồng) x 1%]:30 ngày x 91 ngày (từ ngày 25/9/2018 đến ngày 24/12/2018) = 61.431.073 đồng, [1.525.200.201 đồng (ngày 24/12/2018 trả 500.000.000 đồng) x 1%]:30 ngày x 163 ngày (từ ngày 25/12/2018 đến ngày 05/6/2019) = 82.869.211 đồng (đối với hóa đơn số 0000070 ngày 22/6/2018), tổng cộng là 341.070.679 đồng.

Tổng cộng Công ty Cổ phần Llm phải trả cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ tiền nợ gốc mua thép các loại và tiền lãi do chậm thanh toán là 8.212.953.596 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Llm phải chịu 116.212.953 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ số tiền tạm ứng án phí 58.264.903 đồng.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 430,

Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ.

Buộc Công ty Cổ phần Llm phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ tổng cộng 8.212.953.596 đồng (tám tỷ, hai trăm mười hai triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, năm trăm chín mươi sáu đồng), trong đó nợ tiền gốc mua thép các loại 6.718.655.163 đồng (sáu tỷ, bảy trăm mười tám triệu, sáu trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm sáu mươi ba đồng), nợ tiền lãi 1.494.298.433 đồng (một tỷ, bốn trăm chín mươi tư triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi ba đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng mua bán đã ký kết kể từ ngày 06/6/2019 cho đến khi Công ty Cổ phần Llm trả hết nợ cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Llm phải chịu là 116.212.953 đồng (một trăm mười sáu triệu, hai trăm mười hai ngàn, chín trăm năm mươi ba đồng).

- Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ số tiền tạm ứng án phí 58.264.903 đồng (năm mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi tư ngàn, chín trăm lẻ ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000295 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Sx và TmHĐ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn Công ty Cổ phần Llm vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng